

Bản án số: 779/2026/DS-PT
Ngày 20-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Bằng

Các Thẩm phán: Ông Bà Lê Thị Thọ
Bà Đào Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 420/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2025/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 908/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Minh S, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã P, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trầm Thiện M, Luật sư, Công ty L1 – Chi nhánh S1 thuộc Đoàn luật sư thành phố C (có mặt).

Địa chỉ: số A, đường M, phường P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã C, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Như N, Luật sư, Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số C, đường T, phường T, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm V, phường V, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Võ Minh H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã C, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trịnh Minh S trình bày:

Ngày 25/4/2023 ông Trịnh Minh S có cho ông Lê Văn L vay số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/tháng. Khi vay tiền ông L nói là cho người khác vay lại để kiếm tiền lãi suất chênh lệch. Cụ thể:

Ngày 25/4/2023 ông S đã đưa cho ông L trước số tiền 150.000.000 đồng.

Ngày 26/4/2023 ông S đã chuyển khoản cho ông Lê Văn L số tiền: 550.000.000 đồng, do vợ ông Sang tên Nguyễn Thị Cẩm T1 chuyển vào số tài khoản: 7613205149421 tại Ngân hàng N2 - Chi nhánh S1 của ông Lê Văn L.

Tổng cộng ông S đưa ông Lê Văn L vay là 700.000.000 đồng. Thời hạn vay là 02 tháng (từ ngày 25/4/2023 đến ngày 25/6/2023).

Tuy nhiên, khi đến thời gian trả nợ thì ông L không thực hiện trả lại ông S số tiền đã vay. Ông S đã nhiều lần yêu cầu ông L trả lại ông S số tiền mà ông S đã cho ông L vay nhưng đến nay ông L không trả. Theo ông L trình bày thì số tiền 700.000.000 đồng ông L đã cho ông Võ Minh H vay lại, nhưng do ông H không có tiền trả cho ông L, nên ông L không có tiền trả lại cho ông S.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trịnh Minh S yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc bị đơn ông Lê Văn L trả cho ông Trịnh Minh S số tiền đã vay là 700.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,666%/tháng tính từ ngày 25/4/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (23/10/2025) với số tiền lãi là 349.082.533 đồng trừ đi 49.000.000 đồng mà ông L đã đóng lãi cho ông S còn lại là 300.082.533 đồng.

Trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Minh Tố Mỹ Lan H1 cũng như tại phiên tòa bị đơn Lê Văn L trình bày:

Ông Lê Văn L không có vay tiền của ông Trịnh Minh S mà người vay tiền của ông S là ông Võ Minh H, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Ông L là người môi giới nhận tiền của ông S cho ông H vay tổng số tiền là 700.000.000 đồng, các lần chuyển nhận tiền như sau: Ngày 25/4/2023 ông S đưa trực tiếp cho ông L là 150.000.000 đồng và ngày 26/4/2023 ông S

chuyển tiền cho ông L 550.000.000 đồng, Sau khi nhận tiền từ ông S thì ông L chuyển khoản cho ông H thông qua 02 lần chuyển tiền: Lần 1 ngày 25/4/2023 ông L chuyển ông H số tiền 150.000.000 đồng, lần 2 ngày 26/4/2023 ông L chuyển cho ông H số tiền 458.000.000 (sau khi đã trừ tiền hoa hồng ông H cho ông L 20.000.000 đồng, tiền đóng lãi ông H đóng cho ông S 02 tháng là 70.000.000 đồng, tiền phí công chứng 1.900.000 đồng). Khi các bên chuyển tiền cho vay thì không có làm thành hợp đồng văn bản mà các bên chỉ chuyển khoản và nhận tiền mặt.

Ngày 12/8/2023, ông L xác nhận là người môi giới cho ông H vay tiền của ông S thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Quang H2, đến hạn trả nợ ông H không trả cho ông S và không chuộc tài sản thế chấp nên ông S có quyền làm thủ tục sang tên chuyển nhượng 03 thửa đất và ông L xác nhận tư cách người làm chứng trong quá trình thế chấp đất giữa ông H2 và ông S. Đến ngày 18/12/2023 ông H viết giấy mượn tiền thừa nhận đã nhận đủ số tiền 700.000.000 đồng từ ông S, ông H hứa từ ngày 18/12/2023 đến ngày 07/02/2024 sẽ trả trước cho ông S số tiền 100.000.000 đồng, phần còn lại sẽ thanh toán trước ngày 30/6/2024, ông L có ký tên người làm chứng. Giấy mượn tiền ngày 18/12/2023 ông S không có ký tên, các bên thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng và thỏa thuận thời gian trả là 02 tháng từ ngày 25/4/2023 đến 25/6/2023 ông H sẽ trả cho ông S số tiền 700.000.000 đồng và tiền lãi do ông L là người môi giới. Mục đích ông L nhận tiền của ông S là để ông L cho người khác vay lại để hưởng lãi chênh lệch cao hơn. Ngày 24/4/2023 ông L chụp gửi 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua tin nhắn zalo thì ông S đồng ý cho vay, sau đó ông S đưa tiền cho ông L trực tiếp và chuyển khoản số tiền 700.000.000 đồng, sau đó ông L nhận tiền chuyển cho ông H. Ông H chưa trả tiền cho L và ông S. Khi cho vay ông Phạm Quang H2 đại diện theo ủy quyền của ông H có thể chấp tài sản cho ông S là 03 quyền sử dụng đất bản chính gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ số 0238/QSĐĐ/58070709, diện tích 8.250 m², thửa số 411, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp C, xã K, huyện V, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 12/12/1998 cho Lê Thị H3, hiện nay đã chuyển nhượng cho Huỳnh Kim T, địa chỉ: Khóm V, phường V, Thành phố Cần Thơ (Nay là khóm V, phường V, thành phố Cần Thơ); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ số 0183/QSĐĐ/98070303, diện tích 8.500 m², thửa số 596, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 05/5/1997 cho Ngô Thị H4, hiện nay đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị M1, địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp T, phường K, Thành phố Cần Thơ); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ số 0147/QSĐĐ/58070202, diện tích 15.998 m², thửa số 408, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện V, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 19/11/1996 cho Trần Thị N1, hiện nay đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị M1, địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ).

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý vì bị đơn không có vay tiền của nguyên đơn mà chỉ môi giới cho ông Võ Minh H

vay tiền của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Ngô Văn Đ trình bày:

Ông Đ không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Minh S. Đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì giữa ông Lê Văn L và ông Trịnh Minh S không phát sinh hợp đồng vay tài sản, ông L chỉ là môi giới để cho ông S cho ông Võ Minh H vay tiền. Ông Phạm Quang H2 là người thế chấp 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, nghĩa là ông S biết rõ việc ông S cho một bên thứ 3 vay số tiền 700.000.000 đồng, ông S cũng đã ký 03 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông H2. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản, việc vay tài sản phải có sự thống nhất giữa bên vay và bên cho vay, tuy nhiên không có tài liệu hay chứng cứ nào thể hiện ông L vay tiền của ông S. Mà ông L được sự giới thiệu của ông Võ Tuấn K là bạn cùng cơ quan với ông S nên ông L đã giới thiệu cho ông S cho ông H vay tiền. Tại giấy nhận nợ cũng thể hiện ông Lê Văn L chỉ ký tên người làm chứng, ông L chỉ giới thiệu để hưởng hoa hồng, đồng nghĩa với việc không phát sinh nghĩa vụ trả nợ của ông L đối với ông S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Minh H trình bày:

Ông H cùng quê với ông Lê Văn L và có quan hệ làm ăn với ông L nên ông H có vay của ông L số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng vào ngày 25/4/2023, khi vay không làm biên nhận mà qua hình thức chuyển khoản làm 02 lần: Lần đầu ông L chuyển cho H số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 25/4/2023, lần 02 ông L chuyển cho H số tiền 458.000.000 đồng vào ngày 26/4/2023. Ông H đã đóng lãi cho ông L 02 tháng 70.000.000 đồng, tiền hợp đồng chuyển nhượng và phí công chứng là 22.000.000 đồng. Khi vay ông H đã thế chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (của những người làm ăn chung thiếu tiền ông H thế chấp cho ông H). Ông H thống nhất nếu ông L yêu cầu ông H trả thì ông H đồng ý trả. Còn 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp do ông H không phải chủ sở hữu nên ông đồng ý trả cho chủ sở hữu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2025/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Minh S. Buộc ông Lê Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trịnh Minh S số tiền vay gốc là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi là 300.082.533đ (Ba trăm triệu không trăm tám mươi hai nghìn năm trăm ba mươi ba đồng), tổng cộng là 1.000.082.533đ (Một tỷ không trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng) .

2. Kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/11/2025, bị đơn ông Lê Văn L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2025/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (người kháng cáo) phát biểu ý kiến như sau: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện vụ án, ông L nhận tiền vay từ vợ ông S là bà T1 nhưng ông S lại khởi kiện yêu cầu ông L trả nợ. Ông L không có vay tiền của ông S nên không đồng ý trả nợ cho ông S. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn Lê Văn L thống nhất hoàn toàn với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến như sau: tại cấp sơ thẩm ông L và người đại diện hợp pháp của mình đã thừa nhận có vay tiền của ông S, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L có nghĩa vụ trả nợ cho ông S là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Trịnh Minh S thống nhất hoàn toàn với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn L được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn L là bà Nguyễn Minh Tố Mỹ Lan H1 trình bày thừa nhận vào ngày 25/4/2023, ông Trịnh Minh S đã trực tiếp giao cho ông Lê Văn L số tiền 150.000.000 đồng; ngày 26/4/2023 bà Nguyễn Thị Cẩm T1 chuyển khoản vào tài khoản đứng tên ông Lê Văn L số tiền 550.000.000 đồng. Tổng số tiền ông L thực tế nhận từ ông S là 700.000.000 đồng. Những tình tiết này được cả nguyên đơn và bị đơn thừa nhận, không có tranh chấp, nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự không phải chứng minh. Như vậy, người trực tiếp giao tiền là ông S và người trực tiếp nhận tiền là ông Lê Văn L.

[3] Đối với lời trình bày của ông L cho rằng sau khi nhận tiền ông đã chuyển lại cho ông Võ Minh H vì chỉ là người môi giới, Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày này không được các chứng cứ khác trong hồ sơ chứng minh theo hướng làm phát sinh quan hệ vay trực tiếp giữa ông S với ông H. Cụ thể, trong hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện ông S giao tiền trực tiếp cho ông H; không có giấy nhận tiền giữa ông S và ông H; cũng không có chứng từ chuyển khoản từ ông S sang tài khoản của ông H. Ngược lại, toàn bộ việc giao nhận tiền đều được thực hiện thông qua ông Lê Văn L.

[4] Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2025, chính ông Võ Minh H xác định người cho mình vay tiền là ông Lê Văn L; ông H vay của ông L số tiền 700.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng; tiền được ông L chuyển cho ông H thành hai lần; đồng thời ông H xác nhận đã trả tiền lãi cho ông L 70.000.000 đồng và nếu ông L yêu cầu thì ông H sẽ hoàn trả khoản tiền vay cho ông L. Lời khai này phù hợp với các chứng từ chuyển khoản từ tài khoản của ông L sang ông H và cũng phù hợp với diễn biến khách quan của việc giao nhận tiền trong vụ án. Điều đó cho thấy, sau khi nhận tiền từ ông S thì ông L đã sử dụng số tiền đó để thiết lập một quan hệ vay tài sản khác với ông Võ Minh H. Quan hệ giữa ông L với ông H là quan hệ dân sự độc lập, được xác lập sau khi ông L đã nhận tiền từ ông S.

[5] Đối với các tài liệu mà bị đơn viện dẫn như: Văn bản xác nhận ngày 12/8/2023, Giấy mượn tiền ngày 18/12/2023, việc giao 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc việc ký các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử thấy rằng các tài liệu này đều được lập sau khi khoản vay đã phát sinh và đã quá thời hạn thanh toán. Các tài liệu nêu trên chỉ phản ánh việc các bên tìm biện pháp xử lý khoản tiền sau khi phát sinh tranh chấp, không phải là chứng cứ xác lập chủ thể của hợp đồng vay ban đầu.

[6] Mặt khác, các tài liệu này cũng không thể hiện ông Trịnh Minh S đồng ý thay thế nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Văn L bằng nghĩa vụ của ông Võ Minh H; cũng không có nội dung nào thể hiện ông S miễn trừ trách nhiệm thanh toán cho ông L. Do đó, không có căn cứ xác định chủ thể có nghĩa vụ trong quan hệ vay ban đầu đã được thay đổi theo quy định của Bộ luật Dân sự.

[7] Hội đồng xét xử cũng nhận thấy, theo như trình bày của ông L thì sau khi nhận tiền từ ông S, chính ông L là người quyết định chuyển tiền cho ông H;

trực tiếp nhận tiền lãi từ ông H; đồng thời theo lời khai của ông H thì ông H chỉ có nghĩa vụ thanh toán cho ông L. Như vậy, dù ông L cho rằng mình là người môi giới nhưng toàn bộ quá trình quản lý, sử dụng và định đoạt khoản tiền đều do ông L thực hiện; rủi ro phát sinh từ việc ông H không thanh toán là rủi ro thuộc quan hệ giữa ông L và ông H, không làm thay đổi nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền mà ông L đã trực tiếp nhận từ ông S. Trường hợp ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông L có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để yêu cầu ông H thanh toán theo quy định của pháp luật; đây không phải là căn cứ để từ chối thực hiện nghĩa vụ đối với ông S.

[8] Đối với phần tiền lãi, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận tính theo mức lãi suất 1,666%/tháng theo yêu cầu của nguyên đơn, thấp hơn mức lãi suất các bên thỏa thuận ban đầu là 3,5%/tháng và phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời đã khấu trừ khoản tiền lãi 49.000.000 đồng mà ông L đã thanh toán. Việc tính toán số tiền lãi còn phải trả là 300.082.533 đồng được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của các bên.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới có giá trị làm thay đổi bản chất vụ án hoặc bác bỏ các chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét. Các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ đủ cơ sở xác định ông Lê Văn L là người trực tiếp nhận số tiền 700.000.000 đồng từ ông Trịnh Minh S; sau đó ông L tự mình giao dịch với ông Võ Minh H. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định giữa ông S và ông L phát sinh quan hệ vay tài sản, buộc ông L có nghĩa vụ hoàn trả tiền gốc và tiền lãi cho ông S là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định nội dung kháng cáo của ông Lê Văn L không có cơ sở để chấp nhận; Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ chứng cứ, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và áp dụng đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2025/DS-ST ngày 23/10/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[11] Nhận định nêu trên cũng là cơ sở để Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đồng thời chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[12] Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn L.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2025/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Lê Văn L có nghĩa vụ chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009928 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 9 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Bằng